

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

MỐI QUAN HỆ GIỮA NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG VỚI GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM
TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Chủ nhiệm đề tài : PGS-TS. Trần Văn Chử

Cơ quan chủ trì : Khoa kinh tế phát triển

HÀ NỘI - 2001

3926

2218/01

DANH MỤC CÁC CHUYÊN ĐỀ

	Trang
1. Lao động, việc làm và vai trò của chúng trong nền kinh tế quốc dân nước ta <i>PGS-TS. Trần Văn Chủ</i>	1
2. Tình hình nguồn lao động Việt Nam và nguyên nhân <i>TS. Nguyễn Thị Thơm</i>	21
3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nhu cầu về số lượng và chất lượng lao động <i>TS. Võ Văn Đức</i>	41
4. Mối quan hệ giữa chất lượng lao động với giải quyết việc làm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước <i>PGS-TS. Trần Văn Chủ</i>	49
5. Mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng lao động với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa <i>Th.S. Chu Ngọc Sơn</i>	61
6. Đào tạo nghề: Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay <i>Th.S. Phạm Thị Khanh</i>	80
7. Các giải pháp để tạo việc làm cho người lao động - Một nội dung trong mối quan hệ giữa nâng cao chất lượng lao động với giải quyết việc làm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta <i>NCS. Trần Thị Bích Hạnh</i>	91
8. Chất lượng lao động và vấn đề việc làm, kinh nghiệm của một số quốc gia Đông Nam Á <i>TS. Nguyễn Đăng Thảo</i>	118
9. Một số giải pháp làm giảm tỷ lệ thất nghiệp ở một số nước Châu Á trong quá trình công nghiệp hóa và bài học đối với Việt Nam <i>NCS. Nguyễn Thị Hương</i>	133

LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ VAI TRÒ CỦA CHÚNG TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN NƯỚC TA

PGS-TS. Trần Văn Chủ

1. Vai trò của lao động việc làm trong phát triển kinh tế xã hội.

a. Những quan niệm về lao động, việc làm và thất nghiệp.

Khi nghiên cứu nguồn lực lao động không thể nào không nghiên cứu tới quy mô, tốc độ tăng dân số. Dân số theo nghĩa rộng, là tập hợp những người cư trú thường xuyên trên một địa bàn lãnh thổ nhất định. (Một nước, một vùng kinh tế, một đơn vị hành chính...).

Nhưng để phân biệt các nhóm người có đặc trưng cuộc sống giống nhau, người ta chia thành: Nhân khẩu thường trú, nhân khẩu tạm trú, nhân khẩu nông nghiệp, nhân khẩu phi nông nghiệp, nhân khẩu thành thị và nhân khẩu nông thôn.

Cụ thể: - Nhân khẩu thường trú là những người cư trú thường xuyên ở một địa điểm nhất định.

- Nhân khẩu tạm trú là những người thường trú ở nơi này, nhưng lại có mặt ở điểm đăng ký dân cư khác tại thời điểm điều tra.

- Nhân khẩu nông nghiệp là những người chủ yếu làm nghề nông (nông, lâm, ngư nghiệp) và những người sống nhờ vào thu nhập từ nông nghiệp.

- Nhân khẩu phi nông nghiệp là những người không làm nghề nông nghiệp và những nhân khẩu ăn theo.

- Nhân khẩu thành thị là những nhân khẩu sống thường xuyên ở các địa điểm được quy định là thành thị.

- Nhân khẩu nông thôn là những người cư trú thường xuyên ở ngoài các địa điểm được gọi là thành thị.

Tất cả các cá nhân trong các nhóm dân cư trong độ tuổi lao động theo quy định của luật pháp nước ta đối với nam từ 15 - 60 tuổi, đối với nữ từ 15 - 55 tuổi. Nhưng thực tế tham gia lao động thì không chỉ có người trong độ tuổi lao động, mà còn cả người đã nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Bộ luật lao động.

Độ tuổi lao động của các quốc gia đều được hình thành trên cơ sở mức sống, trình độ phát triển, tuổi thọ bình quân. Nên độ tuổi lao động của các quốc gia rất khác nhau. Nhiều nước chỉ quy định tuổi tối thiểu của lực lượng lao động như Brazil từ 10 tuổi, nhiều nước từ 14 - 15 tuổi; Thụy Điển và Mỹ từ 16 tuổi. Mức tuổi tối đa cũng có quy định khác nhau, ví dụ: Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan đến 74 tuổi; Ai Cập; Malaysia; Cộng hòa Liên bang Đức đến 65 tuổi, nhiều nước không quy định tuổi tối đa.

** Nguồn lao động:*

Cũng như độ tuổi lao động, quan niệm về nguồn lao động cũng khác nhau.

Theo từ điển thuật ngữ trong lĩnh vực lao động của Nga thì nguồn lao động là toàn bộ những người lao động dưới dạng tích cực (đang tham gia lao động) và tiềm tàng (có khả năng lao động song chưa tham gia lao động).

Từ điển thuật ngữ của Pháp quan niệm nguồn lao động là toàn bộ những người đang tham gia lao động và những người có khả năng lao động đang muốn tìm việc làm. Những người có khả năng lao động, song không có nhu cầu làm việc thì không tính vào nguồn lao động.

Giáo trình kinh tế lao động của trường Đại học Kinh tế Quốc dân nước ta đưa ra khái niệm về nguồn lao động là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động trừ đi những người trong độ tuổi, song hoàn toàn mất khả năng lao động.

Từ các quan niệm trên chúng tôi cho rằng: Nguồn lao động là tổng số những người trong độ tuổi lao động có đủ các điều kiện về sức thần kinh, cơ bắp đang tham gia lao động, đang tích cực tìm kiếm việc làm và những

người ngoài độ tuổi lao động đang làm việc trong các ngành của nền kinh tế quốc dân.

** Lực lượng lao động:*

Từ điển thuật ngữ của Pháp đưa ra quan niệm về lực lượng lao động là số lượng và chất lượng của những người lao động được quy đổi theo các tiêu chuẩn trung bình về khả năng lao động có thể sử dụng.

Quan niệm của tổ chức lao động thế giới (ILO) "*Lực lượng lao động là một bộ phận dân số trong độ tuổi quy định, thực tế đang có việc làm và những người đang thất nghiệp*".

Nhà kinh tế học người Anh David Begg cho rằng: "*Lực lượng lao động có đăng ký bao gồm số người đang có việc làm và số người thất nghiệp có đăng ký*".

Từ các quan niệm trên, chúng tôi cho rằng "*Lực lượng lao động Việt Nam gồm những người trong độ tuổi lao động có đủ các điều kiện về sức thân kinh, cơ bắp hiện đang có việc làm và những người thất nghiệp*".

** Việc làm:*

Việc làm theo quan niệm trước đây thường bó hẹp trong các chức danh như viên chức, công chức, công nhân... các lao động được hưởng lương và hưởng các chế độ bao cấp của Nhà nước. Nên việc tạo việc làm, thu hút lao động là trách nhiệm chủ yếu của Nhà nước. Ngày nay các quan niệm về việc làm cũng được hiểu rộng hơn, đó là các hoạt động của con người nhằm tạo ra thu nhập, mà không bị pháp luật ngăn cấm.

Để thống nhất quan niệm về việc làm, Bộ luật lao động nước ta đã đưa ra khái niệm: "*Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm*".

Với quan niệm về việc làm như vậy, ta hiểu người có việc làm là người đang làm việc trong mối quan hệ phụ thuộc trong các cơ quan, công sở, xí

ng nghiệp, các tổ chức kinh tế, hành chính sự nghiệp...; người tự tạo việc làm; các thành viên hộ gia đình làm cho gia đình mình; kể cả những người đang được đào tạo và đang làm nghĩa vụ quân sự.

Nhưng trong thực tế xã hội thì không phải ai cũng có đầy đủ việc làm, mà còn rất nhiều người thiếu việc làm dưới nhiều hình thức khác nhau.

** Người đủ việc làm:*

Người đủ việc làm là những người có việc làm đạt mức quy định giờ chuẩn hoặc những người làm việc ít hơn giờ chuẩn quy định, nhưng không có nhu cầu làm thêm. Mức quy định giờ chuẩn của nước ta hiện nay là 40 giờ/1 tuần.

** Người thiếu việc làm:*

Người thiếu việc làm là người có số giờ làm việc ít hơn mức giờ chuẩn quy định, có nhu cầu làm thêm mà không được đáp ứng. Người thiếu việc làm, lại biểu hiện dưới hai dạng:

- Thiếu việc làm vô hình là người có thời gian làm việc đủ với giờ chuẩn quy định, song năng suất lao động, thu nhập thấp hoặc công việc không phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ. Nhưng không có khả năng tìm kiếm công việc phù hợp.

- Thiếu việc làm hữu hình là người có thời gian làm việc ít hơn số giờ chuẩn quy định và họ có nhu cầu làm thêm.

Cả hai dạng thiếu việc làm đều là vấn đề kinh tế xã hội cấp bách. Song thiếu việc làm hữu hình chỉ cần tăng vốn đầu tư tạo nhiều việc làm thích hợp để thu hút họ lao động; thiếu việc làm vô hình khó xác định, kém hiệu quả ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội.

** Thất nghiệp:*

Thất nghiệp thực chất là một dạng thiếu việc làm, nhưng là thiếu việc làm tuyệt đối. Ở nước ta thường dùng từ chưa có việc làm. Nhưng dù tên

gọi khác nhau song đều chung khái niệm "Thất nghiệp là những người trong độ tuổi lao động, đủ điều kiện về sức tinh thần và cơ bắp, có nhu cầu việc làm ở mức tiền công hợp lý, nhưng không tìm được việc làm".

Tóm lại, từ những quan niệm trên chúng ta thấy lao động, việc làm, thất nghiệp là vấn đề kinh tế xã hội rất nan giải, diễn ra ở hầu khắp các nước trên thế giới và gắn liền với phát triển kinh tế.

b. Vai trò của lao động trong phát triển kinh tế xã hội.

Sự phát triển của nền kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố nguồn lực cơ bản, mà trước hết là các yếu tố nguồn lực mang tính sản xuất vật chất như: Lao động, khoa học công nghệ, vốn, tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố nguồn lực mang tính chính trị xã hội như: Thể chế chính trị, cơ chế chính sách, truyền thống, tính cộng đồng, kinh nghiệm quản lý sản xuất kinh doanh. Đồng thời cũng phụ thuộc các yếu tố nguồn lực trong nước và nước ngoài. Các yếu tố đều có vai trò vị trí nhất định trong quá trình phát triển. Song xét cho cùng yếu tố lao động giữa vai trò quyết định, bởi vì lao động (con người) là trung tâm điều hành phối hợp, khai thác, sử dụng các yếu tố nguồn lực phát triển.

Khi nói về vai trò của lao động trong quá trình sản xuất C.Mác viết: "Lao động trước hết là một quy trình diễn ra giữa con người và tự nhiên. Một quá trình trong đó bằng hoạt động của chính mình, con người làm trung gian điều tiết và kiểm soát sự trao đổi chất giữa họ và tự nhiên"⁽¹⁾. Ông còn nhấn mạnh: "Con người không chỉ làm biến đổi hình thái những cái do tự nhiên cung cấp... Con người cũng đồng thời thực hiện các mục đích tri giác của mình, mục đích ấy quyết định phương thức hành động của họ, giống như một quy luật và bất ý chí của họ phải phục tùng nó"⁽²⁾.

Còn V.I. Lênin nhấn mạnh vai trò to lớn của lao động, theo ông: "Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động"⁽³⁾

⁽¹⁾ C. Mác, Tư bản, T. 1, Q. 1, Nxb Sự thật, HN, 1984, Tr. 230.

⁽²⁾ Sđđ. Tr. 321.

⁽³⁾ V.I. Lênin, toàn tập, T. 40, Nxb Tiến bộ, Măckba, 1977, Tr. 30.

Cũng nhờ lao động sáng tạo của con người đã phát sinh sáng chế ra nhiều máy móc thiết bị, công cụ lao động, các loại vật liệu mới thay thế cho vật liệu truyền thống để phát triển kinh tế xã hội. Nhờ có tiến bộ khoa học, công nghệ nên năng suất lao động, chất lượng sản phẩm ngày một cao hơn và khoa học công nghệ đã tạo ra các máy công cụ, tự động hóa giải phóng con người khỏi lao động nặng nhọc, độc hại.

Song tiến bộ khoa học, công nghệ cũng đòi hỏi người lao động có trình độ văn hóa, kiến thức khoa học và kỹ năng sản xuất. Đồng thời thành tựu khoa học công nghệ được áp dụng rộng rãi cũng làm cho nhiều người lao động thiếu việc làm.

Nên các nhà kinh tế học hiện đại đã đề cập đến các vấn đề lao động, việc làm, thất nghiệp và ảnh hưởng của chúng đối với nền kinh tế. Nhà kinh tế học người Anh John Maynard Keynes trong tác phẩm "*Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ*". Ông phân tích tính chất thiếu ổn định của nền kinh tế, làm cho lượng lao động thất nghiệp ngày càng đông. Ông cũng đưa ra nguyên nhân lao động thất nghiệp tăng là do các chính sách bảo thủ, lỗi thời, thiếu sự can thiệp của Nhà nước ^{vào} nền kinh tế. Còn lý thuyết "*Nền kinh tế hỗn hợp*" của P. Samuelson đã phân tích khá kỹ về thất nghiệp và ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế. Ông cũng phân tích các loại thất nghiệp khác nhau và cho rằng thất nghiệp chu kỳ luôn gắn với suy thoái chu kỳ của nền kinh tế.

Trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định "*Yếu tố con người và lấy con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động*"⁽⁴⁾ hay trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội trình Đại hội toàn quốc lần thứ VI., Đảng ta đặt con người vào vị trí trung tâm, lấy trung tâm và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Với vị trí, vai trò của con người có ý nghĩa rất to lớn trong phát triển kinh tế xã hội. Đảng ta đã khẳng định "*Nước ta có nguồn lao*

⁽⁴⁾ Văn kiện Đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ VI, Nxb Sự thật, HN, 1987, Tr. 36.

động dồi dào, con người Việt Nam có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo... có khả năng nắm bắt nhanh khoa học và công nghệ..., đó là nguồn lực quan trọng nhất⁽⁵⁾.

2. Lao động việc làm ở nước ta thời gian qua.

a. Số lượng lao động.

Số lượng lao động phụ thuộc trước hết vào quy mô và tốc độ tăng dân số; vào quy định độ tuổi lao động.

Dân số nước ta tính đến thời điểm tổng điều tra dân số 1/4/1999 là 76.327.885 người trong đó nữ chiếm 50,84%, ở khu vực thành thị là 17.918.185 người bằng 23,47% và ở nông thôn là 58.409.700 người bằng 76,53%. Số người trong độ tuổi lao động, tham gia hoạt động kinh tế thường xuyên là 37.783.800 người, trong đó lực lượng lao động trẻ từ 15 - 34 tuổi có 19.184.400 người.

Tốc độ tăng dân số và lực lượng lao động

Đơn vị: %

Năm	Tỷ lệ tăng dân số	Tỷ lệ tăng lực lượng lao động
1960 - 1970	3,05	3,20
1975 - 1980	2,45	3,47
1980 - 1985	2,25	3,20
1985 - 1990	2,05	3,35
1991 - 1994	2,30	2,80
1995 - 2000	1,53	2,66
Dự báo 2001 - 2005	1,35	2,05

* Tổng hợp số liệu niên giám thống kê.

⁽⁵⁾ Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000, Nxb Sự thật, HN, 1991, Tr. 23.

b. Cơ cấu lao động.

Lao động khu vực thành thị có xu hướng tăng lên, năm 1996 có 6.838.200 người chiếm 19,06%, năm 1999 có 8.420.400 người chiếm 22,28%. Còn lao động ở nông thôn có xu hướng giảm dần từ 29.028.000 người, chiếm 80,94% vào năm 1996, năm 1999 có 29.363.400 người bằng 77,72%.

Xu hướng tỷ lệ lao động thành thị tăng lên và tỷ lệ lao động nông thôn giảm đi là phù hợp với quá trình vận động của nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa.

c. Tình hình thất nghiệp ở khu vực đô thị.

Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị cả nước năm 1999 là 7,40% tăng 0,55% so với năm 1998; Hà Nội, thành phố lớn ở vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất trong cả nước, năm 1999 là 10,31%; thành phố Hồ Chí Minh là 7,04%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn năm 1996 là 72,11%, năm 1999 là 73,49%, tuy tỷ lệ này đã có xu hướng tăng dần, song vẫn còn rất thấp. Như vậy, tỷ lệ lao động nông nhàn và thiếu việc làm ở nông thôn vẫn rất cao.

d. Chất lượng lao động.

Con người là tổng hòa các mối quan hệ, nên chất lượng lao động bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Song để nghiên cứu chất lượng lao động, chúng ta tập trung xem xét các yếu tố cơ bản sau: Thể lực; trình độ văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ; năng lực phẩm chất đạo đức của người lao động.

* *Thể lực*: Là đòi hỏi trước hết của con người, có sức khỏe mới có thể lao động, học tập, mới thực hiện đầy đủ bản năng của con người. Như vậy, sức khỏe không chỉ là sự cường tráng, là năng lực lao động chân tay, mà còn là sức tinh thần dẻo dai, khả năng vận động trí tuệ, biến tư duy thành